



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 201

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013	14 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 07 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 08 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

50.000.000.000 VND

Vốn pháp định

6.000.000.000 VND

Trụ sở chính:

Địa chỉ : 14 Đặng Thùy Trâm, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại : 04.62690742
Fax : 04.62690741
E-mail : info@cmvietnam.vn
Mã số thuế : 0102307343

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, Đập và đê, Xây dựng đường hầm, các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước;

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Từ Liêm, Hà Nội	Số 0104075049 ngày 24 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	100%
Công ty TNHH CM Xây dựng	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Từ Liêm, Hà Nội	Số 0105156759 ngày 21 tháng 2 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	100%
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Số 0800932611 ngày 29 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp	69,67%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong năm, Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào hai công ty con là Công ty Cổ phần CM Thành Đông và Công ty TNHH CM Xây dựng cho Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại. Do đó tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty Cổ phần CM Thành Đông và Công ty TNHH CM Xây dựng là công ty con chịu sự kiểm soát gián tiếp của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 42).

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	05 tháng 7 năm 2007	
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	05 tháng 7 năm 2007	
Ông Phạm Minh Hậu	Ủy viên	12 tháng 5 năm 2012	
Ông Nguyễn Đức Phong	Ủy viên	29 tháng 10 năm 2008	23 tháng 3 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Phi	Ủy viên	31 tháng 3 năm 2011	
Ông Trần Văn Bách	Ủy viên	23 tháng 3 năm 2013	14 tháng 11 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Loan	Ủy viên	14 tháng 11 năm 2013	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Hồng Anh	Trưởng ban	12 tháng 5 năm 2012	
Bà Nguyễn Thị Loan	Ủy viên	23 tháng 3 năm 2013	11 tháng 11 năm 2013
Bà Trương Thị Luyến	Ủy viên	12 tháng 5 năm 2012	
Ông Đặng Xuân Hiến	Ủy viên	12 tháng 5 năm 2012	23 tháng 3 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	09 tháng 4 năm 2008
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	20 tháng 9 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 10 năm 2011
Ông Đào Tiến Dương	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 01 năm 2010

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam phải:

- ♣ Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ♣ Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- ♣ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- ♣ Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- * Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

Ngày 24 tháng 02 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Số: 46/2014/BCTC-KTTV

Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam, được lập ngày 24 tháng 02 năm 2014, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Phạm Quang Huy - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5, ngõ Tuổi Trẻ, đường Hoàng Quốc Việt, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		178.140.447.272	172.306.480.589
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.399.828.721	37.579.415.268
1. Tiền	111		18.399.828.721	37.579.415.268
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.428.539.005	74.020.650.898
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	39.656.059.294	44.401.849.405
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	2.447.066.152	868.841.690
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	31.103.778.481	29.031.309.803
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(6.778.364.922)	(281.350.000)
IV. Hàng tồn kho	140		78.390.177.860	49.185.709.323
1. Hàng tồn kho	141	V.7	78.390.177.860	49.185.709.323
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.921.901.686	11.520.705.100
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	3.515.029.146	799.361.392
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.149.751.902	6.359.275.009
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	7.257.120.638	4.362.068.699

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5, ngõ Tuổi Trẻ, đường Hoàng Quốc Việt, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.829.525.193	48.245.913.709
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.395.070.231	15.015.263.655
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	17.395.070.231	15.015.263.655
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.997.678.530	33.016.650.054
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	20.605.714.765	22.117.344.715
<i>Nguyên giá</i>	222		40.358.703.832	34.538.138.778
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19.752.989.067)	(12.420.794.063)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	5.515.264	16.161.103
<i>Nguyên giá</i>	228		38.000.000	49.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(32.484.736)	(32.838.897)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	11.386.448.501	10.883.144.236
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.436.776.432	214.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	346.508.670	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	1.090.267.762	214.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		228.969.972.465	220.552.394.298

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5, ngõ Tuổi Trẻ, đường Hoàng Quốc Việt, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		157.355.055.563	149.960.686.325
I. Nợ ngắn hạn	310		153.023.068.673	143.824.654.304
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	42.773.421.956	74.438.416.854
2. Phải trả người bán	312	V.17	34.354.397.714	28.403.800.299
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	30.312.225.828	467.070.636
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	10.467.595.408	13.344.219.384
5. Phải trả người lao động	315		11.605.174.617	2.796.509.339
6. Chi phí phải trả	316	V.20	14.352.879.217	17.149.770.011
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	8.071.552.387	6.978.817.598
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	1.085.821.546	246.050.183
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.331.986.890	6.136.032.021
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.23	1.448.621.600	3.422.168.087
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	2.883.365.290	2.713.863.934
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68.973.205.552	67.956.751.169
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	68.973.205.552	67.956.751.169
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		877.646.070	877.646.070
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.689.928.190	844.256.827
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.405.631.292	16.234.848.272
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	V.26	2.641.711.350	2.634.956.804
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		228.969.972.465	220.552.394.298

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5, ngõ Tuổi Trẻ, đường Hoàng Quốc Việt, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		32.139,77	21.196,30
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập ngày 24 tháng 02 năm 2014



Tổng Giám đốc

Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5, ngõ Tuổi Trẻ, đường Hoàng Quốc Việt, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	267.540.978.610	184.728.636.540
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	21.454.545	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		267.519.524.065	184.728.636.540
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	213.999.545.024	138.601.045.636
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.519.979.041	46.127.590.904
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	406.973.383	158.066.283
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	5.425.825.507	11.029.667.663
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.761.165.271	11.193.967.557
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	11.685.149.650	486.378.494
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	19.816.519.674	14.473.031.534
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.999.457.593	20.296.579.496
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.521.346.012	1.846.160.264
12. Chi phí khác	32	VI.9	1.898.979.276	1.391.244.851
13. Lợi nhuận khác	40		(377.633.264)	454.915.413
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.621.824.329	20.751.494.909
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	4.630.335.991	3.838.067.651
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>11.991.488.338</u>	<u>16.913.427.258</u>
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	VI.10	11.991.488.338	16.913.427.258
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	<u>2.398</u>	<u>3.463</u>

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập ngày 24 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5, ngõ Tuổi Trẻ, đường Hoàng Quốc Việt, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.621.824.329	20.738.249.559
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	9.768.765.461	9.205.444.526
- Các khoản dự phòng	03	6.497.014.922	(581.132.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04 VI.4	375.353.282	(31.543.122)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(409.634.138)	521.114.033
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	4.761.165.271	11.193.967.557
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	37.614.489.127	41.046.100.553
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.163.356.879	(16.682.047.648)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(29.204.468.537)	(20.912.729.249)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	46.576.880.210	(16.438.435.667)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.062.176.424)	1.228.190.814
- Tiền lãi vay đã trả	13	(9.362.083.234)	(6.554.773.392)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14 V.19	(7.809.941.380)	(75.184.148)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.921.623.984	2.469.984.064
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(8.954.162.165)	(4.571.718.729)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	32.883.518.460	(20.490.613.402)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(9.183.958.429)	(11.850.118.172)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	409.090.909	774.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	902.509.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	178.011.700	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.596.855.820)	(10.173.063.718)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5, ngõ Tuổi Trẻ, đường Hoàng Quốc Việt, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	25.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	98.281.111.855	200.217.370.607
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(129.776.605.397)	(154.943.554.734)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.970.987.000)	(11.845.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(41.466.480.542)	58.428.465.873
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(19.179.817.902)	27.764.788.753
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	37.579.415.268	9.793.155.405
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	231.355	21.471.110
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	18.399.828.721	37.579.415.268

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập ngày 24 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại, xây dựng.
- Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng và cung ứng nhân lực.
- Tổng số các công ty con** : 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH CM Xây dựng	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	78,44%	78,44%

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tập đoàn có 295 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 196 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Máy móc và thiết bị	4 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là Phần mềm máy tính: Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả,

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là chi phí thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2013	: 21.079	VND/USD
		645,47	VND/THB
		2,80	VND/LAK
		268	VND/DZD
		6.135	VND/MYR
	31/12/2012	: 20.835	VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy. Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	876.447.765	102.227.177
Tiền gửi ngân hàng	17.523.380.956	37.477.188.091
Cộng	18.399.828.721	37.579.415.268

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn khác		
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	500.000.000	-
- Cho ông Nguyễn Văn Phi vay	1.500.000.000	-
Cộng	2.000.000.000	-

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng tại:		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	38.273.318.837	40.692.518.367
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	1.382.740.457	3.701.260.485
Công ty TNHH CM Xây dựng	-	8.070.553
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	-	-
Cộng	39.656.059.294	44.401.849.405

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước người bán tại:</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	1.651.463.652	661.580.574
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	312.137.634	139.641.856
Công ty TNHH CM Xây dựng	-	17.619.260
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	483.464.866	50.000.000
Cộng	2.447.066.152	868.841.690

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cavico Điện Lực và Tài Nguyên	21.540.049.741	21.526.975.118
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	3.838.289.539	2.082.667.539
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hảo	1.504.000.000	-
Ông Lăng Việt Hùng	76.560.655	150.560.655
Ông Đào Tiến Dương	-	350.000.000
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	1.722.418.470	4.230.513.605
Phải thu về tiền thuế dịch vụ 10% đã nộp ở nước ngoài	171.376.659	-
Phải thu khác	2.251.083.417	690.592.886
Cộng	31.103.778.481	29.031.309.803

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	281.350.000	-
Trích lập dự phòng bổ sung	6.497.014.922	281.350.000
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	6.778.364.922	281.350.000

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	141.821.906	37.215.000
Nguyên liệu, vật liệu	4.988.542.306	4.110.439.395
Công cụ, dụng cụ	-	1.479.717.320
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	73.239.298.649	40.687.308.906
Hàng hóa	20.514.999	2.871.028.702
Cộng	78.390.177.860	49.185.709.323

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.631.248.534	670.720.527
Chi phí bảo hiểm	202.054.598	14.433.182
Phí bảo lãnh	218.517.286	46.661.933
Chi phí vận chuyển	60.416.672	-
Chi phí lắp đặt	119.352.425	-
Chi phí sửa chữa	204.872.584	23.400.000
Chi phí thuê văn phòng, sân đỗ	109.618.835	33.820.750
Chi phí dịch vụ xuất - nhập cảnh	454.496.211	-
Chi phí dịch vụ khác	514.452.001	10.325.000
Cộng	<u>3.515.029.146</u>	<u>799.361.392</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	5.224.808.641	3.668.044.760
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.946.507.871	694.023.939
Tài sản thiếu chờ xử lý	85.804.126	-
Cộng	<u>7.257.120.638</u>	<u>4.362.068.699</u>

10. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	15.912.736.234	13.532.929.658
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng cầu hầm	1.482.333.997	1.482.333.997
Cộng	<u>17.395.070.231</u>	<u>15.015.263.655</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	21.885.977.037	10.544.448.061	802.776.698	1.304.936.982	34.538.138.778
Tăng trong năm do mua sắm mới	5.860.191.351	2.669.836.363	76.818.182	-	8.606.845.896
Giảm trong năm	(509.954.546)	(1.685.329.642)	(590.996.654)	-	(2.786.280.842)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.673.329.642)	-	-	(1.673.329.642)
Giảm trong năm do không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ theo thông tư 45	(509.954.546)	(12.000.000)	(590.996.654)	-	(1.112.951.200)
Số cuối năm	27.236.213.842	11.528.954.782	288.598.226	1.304.936.982	40.358.703.832
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.240.862.428	464.545.454	228.598.226	-	1.934.006.108
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.377.440.681	3.932.695.714	707.545.276	403.112.392	12.420.794.063
Tăng trong năm	6.834.707.921	2.407.769.173	76.981.412	438.661.116	9.758.119.622
Giảm trong năm	(402.987.665)	(1.506.377.838)	(516.559.115)	-	(2.425.924.618)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.495.861.171)	-	-	(1.495.861.171)
Giảm trong năm do không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ theo thông tư 45	(402.987.665)	(10.516.667)	(516.559.115)	-	(930.063.447)
Số cuối năm	13.809.160.937	4.834.087.049	267.967.573	841.773.508	19.752.989.067
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	14.508.536.356	6.611.752.347	95.231.422	901.824.590	22.117.344.715
Số cuối kỳ	13.427.052.905	6.694.867.733	20.630.653	463.163.474	20.605.714.765
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 12.778.743.764VND và 6.776.378.212VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt, khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Long Biên và khoản vay tại Ngân hàng TMCP Liên Việt.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Chi tiết số phát sinh như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	49.000.000	32.838.897	16.161.103
Tăng do khấu hao trong năm	-	10.645.839	(10.645.839)
Giảm trong năm do không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ theo thông tư 45	(11.000.000)	(11.000.000)	-
Số cuối năm	38.000.000	32.484.736	5.515.264

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn

còn sử dụng

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

-	-	-
-	-	-
-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	1.426.535.768	2.627.272.727	(3.759.545.227)	(73.808.268)	220.455.000
- Thiết kế website	11.000.000	-	-	-	11.000.000
- Mua sắm máy móc thiết bị	1.205.147.500	2.627.272.727	(3.759.545.227)	(72.875.000)	-
- Chi phí xây dựng thương hiệu	210.388.268	-	-	(933.268)	209.455.000
XDCB dở dang	9.456.608.468	1.709.385.033	-	-	11.165.993.501
- Dự án trung tâm thương mại văn hóa Kiến Thụy-Hải Phòng	151.991.616	-	-	-	151.991.616
- Công trình Trung tâm thương mại Kinh Môn	9.304.616.852	1.709.385.033	-	-	11.014.001.885
Cộng	10.883.144.236	4.336.657.760	(3.759.545.227)	(73.808.268)	11.386.448.501

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí công cụ dụng cụ	-	83.184.587	(16.070.859)	67.113.728
Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	403.570.470	(124.175.528)	279.394.942
Cộng	-	486.755.057	(140.246.387)	346.508.670

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Tài sản dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	876.267.762	-
Đặt cọc thuê nhà dài hạn	212.000.000	212.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác	2.000.000	2.000.000
Cộng	1.090.267.762	214.000.000

16. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	36.247.196.492	70.974.052.810
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	24.964.887.492	29.986.780.215
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Long Biên	-	40.987.272.595
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Tây Hồ	11.282.309.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	4.200.000.000	350.000.000
- Vay Bà Đinh Thị Thủy	-	350.000.000
- Vay Bà Phạm Thị Hiếu	1.400.000.000	-
- Vay Ông Nguyễn Hữu Mạnh	1.200.000.000	-
- Vay Bà Phạm Minh Hậu	1.600.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	2.326.225.464	3.114.364.044
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	448.484.848	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu	-	966.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Long Biên	1.432.240.616	2.148.364.044
- Ngân hàng TMCP Liên Việt	445.500.000	-
Cộng	42.773.421.956	74.438.416.854

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	70.974.052.810	89.519.975.492	-	(124.246.831.810)	36.247.196.492
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	350.000.000	5.861.000.000	-	(2.011.000.000)	4.200.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.114.364.044	-	1.968.165.310	(2.756.303.890)	2.326.225.464
Cộng	74.438.416.854	95.380.975.492	1.968.165.310	(129.014.135.700)	42.773.421.956

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Phải trả cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả người bán tại:</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	26.834.758.474	16.006.491.274
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	6.481.932.596	5.987.867.035
Công ty TNHH CM Xây dựng	820.400.074	6.409.441.990
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	217.306.570	-
Cộng	34.354.397.714	28.403.800.299

18. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một thành viên 185	122.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	1.742.830.855	467.070.636
Công ty Xây lắp Môi trường Nhân Cơ Vinacomin	9.994.457.599	-
Công ty TNHH Một thành viên Than Khe Châm - Vinacomin	9.002.937.374	-
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4	4.800.000.000	-
Ban quản lý dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và xây dựng hệ thống kênh mương công trình thủy lợi Ngân Trươi - Cẩm Trang	4.650.000.000	-
Cộng	30.312.225.828	467.070.636

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	513.987.919	2.474.086.943	(1.865.098.399)	1.122.976.463
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	22.488.468	58.092.876	(80.581.344)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở trong nước	10.255.609.930	3.837.367.686	(7.016.973.075)	7.076.004.541
Thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở nước ngoài	-	792.968.305	(792.968.305)	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.515.207.790	829.111.274	(1.208.730.875)	2.135.588.189
Các loại thuế khác	-	11.000.000	(11.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	36.925.277	209.731.365	(113.630.427)	133.026.215
Cộng	13.344.219.384	8.212.358.449	(11.088.982.425)	10.467.595.408

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ xây dựng	10%
Bán hàng hóa	10%
Cung ứng nhân lực ra nước ngoài	0%

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.621.824.329	20.751.494.909
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		939.019.222 80
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.779.843.226	963.097.796
Chi phí khấu hao tương ứng với phần nguyên giá xe ô tô vượt trên 1,6 tỷ VND	1.779.843.226	650.673.224
Phạt chậm nộp tiền thuế	456.557.912	-
Chi phí không phục vụ sản xuất kinh doanh, các khoản phạt hành chính	476.108.868	-
Chi phí khấu hao TSCĐ không sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh	98.995.383	162.424.572
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	188.712.084	-
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	375.353.282	-
Thù lao hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	344.275	-
Thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài không được giảm trừ	-	150.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	183.771.423	(24.078.574)
Lãi chênh lệch do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu	-	(24.078.574)
Thu nhập tính thuế	18.521.343.961	21.690.514.131
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động ở nước ngoài	3.171.873.220	-
Thu nhập từ hoạt động ở trong nước	15.229.794.335	21.690.514.131
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	4.630.335.991	5.422.628.533
Trong đó:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông cho hoạt động ở nước ngoài	792.968.305	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông cho hoạt động ở trong nước	3.837.367.686	5.422.628.533
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 140/2012/TT-BTC	-	(1.584.560.882)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.630.335.991	3.838.067.651

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về sản lượng xây lắp hoàn thành	10.192.589.144	-
Trích trước chi phí nhân công thuê ngoài	540.167.110	-
Chi phí vật tư	287.431.663	9.709.371.863
Chi phí lãi vay phải trả	230.606.916	4.831.524.879
Phí quản lý dự án	2.608.729.266	442.169.777
Chi phí vận chuyển	132.705.851	2.071.259.330
Chi phí phải trả khác	360.649.267	95.444.162
Cộng	14.352.879.217	17.149.770.011

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.100.000	492.355.613
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	1.404.937.052	2.286.778.907
Kinh phí công đoàn	475.681.468	450.187.985
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	722.842.448	1.815.989.886
Công ty Cojaal - Algieria - Containteen	771.386.245	-
Vay không tính lãi các cá nhân	1.075.660.000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát	767.163.000	-
Công ty TNHH Hòa Hiệp	270.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	184.577.078	-
Dự án Bản Mòng Sơn La	105.226.451	-
Cổ tức phải trả	29.013.000	-
Phải trả khác	2.263.965.645	1.933.505.207
Cộng	8.071.552.387	6.978.817.598

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	238.592.819	507.402.818	(5.900.000)	740.095.637
Quỹ phúc lợi	7.457.364	338.268.545	-	345.725.909
Cộng	246.050.183	845.671.363	(5.900.000)	1.085.821.546

23. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ của lao động tại các dự án tại nước ngoài.

24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt ⁽ⁱ⁾	918.181.818	-
Ngân hàng TMCP Á Châu ⁽ⁱⁱ⁾	-	565.500.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Long Biên ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.074.183.472	2.148.363.934
Ngân hàng TMCP Liên Việt ^(iv)	891.000.000	-
Cộng	2.883.365.290	2.713.863.934

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt để mua trạm trộn bê tông và máy cầu quy 50 với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng tín dụng số OCD.DN.01120711 ngày 12 tháng 7 năm 2011, mục đích để mua phương tiện vận tải phục vụ thi công xây dựng. Số tiền vay 2.900.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận tiền lần đầu, lãi suất thay đổi theo từng khung nhận nợ. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 đơn vị đã tất toán khoản vay này.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Long Biên để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng với lãi suất thay đổi theo thị trường tại từng thời điểm, thời hạn vay 42 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Liên Việt để mua xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Landcruiser Prado TX-L với lãi suất 14%/năm, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 05 tháng 02 năm 2014. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Toyota Landcruiser Prado TX-L.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.326.225.464	3.114.364.044
Trên 1 năm đến 5 năm	2.883.365.290	2.713.863.934
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	5.209.590.754	5.828.227.978

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	-	1.563.636.363	(196.969.697)	(448.484.848)	918.181.818
Ngân hàng TMCP Á Châu	565.500.000	-	(565.500.000)	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Long Biên	2.148.363.934	-	-	(1.074.180.462)	1.074.183.472
Ngân hàng TMCP Liên Việt	-	1.336.500.000	-	(445.500.000)	891.000.000
Cộng	2.713.863.934	2.900.136.363	(762.469.697)	(1.968.165.310)	2.883.365.290

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**25. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	25.000.000.000	877.646.070	752.819.791	11.058.073.484	37.688.539.345
Cổ đông góp vốn	25.000.000.000	-	-	-	25.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	16.913.427.258	16.913.427.258
Lợi nhuận tăng do mua lại	-	-	-	684.719.380	684.719.380
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	91.437.036	-	91.437.036
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(11.845.350.000)	(11.845.350.000)
Giảm do thay đổi tỷ lệ vốn góp	-	-	-	(13.245.350)	(13.245.350)
Phụ cấp HĐQT	-	-	-	(562.776.500)	(562.776.500)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	877.646.070	844.256.827	16.234.848.272	67.956.751.169
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	877.646.070	844.256.827	16.234.848.272	67.956.751.169
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	11.991.488.338	11.991.488.338
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	845.671.363	(1.691.342.726)	(845.671.363)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Giảm do thay đổi tỷ lệ vốn góp	-	-	-	(6.754.546)	(6.754.546)
Tăng khác	-	-	-	3.391.954	3.391.954
Phụ cấp HĐQT	-	-	-	(126.000.000)	(126.000.000)
Số dư cuối năm	50.000.000.000	877.646.070	1.689.928.190	16.405.631.292	68.973.205.552

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	50.000.000.000	50.000.000.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	9.970.987.000	11.845.350.000
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	9.970.987.000	11.845.350.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	2.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

26. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.634.956.804	981.085.454
Tăng do cổ đông thiểu số góp vốn	-	1.640.626.000
Tăng do thay đổi tỷ lệ góp vốn	-	13.245.350
Giảm do thay đổi tỷ lệ vốn góp	(6.754.546)	-
Số cuối năm	<u>2.641.711.350</u>	<u>2.634.956.804</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	267.540.978.610	184.728.636.540
- Doanh thu bán hàng hóa	108.848.082.659	15.707.905.012
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.548.488.592	15.972.528.307
- Doanh thu hoạt động xây dựng	156.144.407.359	153.048.203.221
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(21.454.545)	-
- Giảm giá hàng bán	(21.454.545)	-
Doanh thu thuần	<u>267.519.524.065</u>	<u>184.728.636.540</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	108.826.628.114	15.707.905.012
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.548.488.592	15.972.528.307
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	156.144.407.359	153.048.203.221

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	89.213.026.823	10.980.622.694
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.806.074.368	12.986.953.117
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	120.980.443.833	114.633.469.825
Cộng	<u>213.999.545.024</u>	<u>138.601.045.636</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay	178.011.700	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	101.240.240	76.063.161
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	31.543.122
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	70.116.442	-
Lãi bán hàng trả chậm	57.605.001	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	50.460.000
Cộng	<u>406.973.383</u>	<u>158.066.283</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.761.165.271	11.193.967.557
Chiết khấu thanh toán	-	180.263.688
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	375.353.282	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	154.644.569	29.327.418
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	488.591.000
Lãi mua hàng trả chậm	134.307.807	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(862.482.000)
Chi phí tài chính khác	354.578	-
Cộng	5.425.825.507	11.029.667.663

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	-	80.841.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	177.043.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.551.660	195.002.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.682.597.990	33.490.909
Cộng	11.685.149.650	486.378.494

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.867.596.845	7.622.904.268
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.647.728	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	356.782.980	235.403.962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.201.512.004	1.249.134.761
Thuế, phí và lệ phí	210.661.967	118.020.789
Chi phí dự phòng	6.497.014.922	281.350.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.132.258.962	4.197.037.432
Chi phí bằng tiền khác	515.044.266	769.180.322
Cộng	19.816.519.674	14.473.031.534

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	409.090.909	774.545.454
Thu từ bán tiền điện	156.983.794	-
Thu từ bán vật tư, phế liệu	436.526.944	300.737.273
Thu cước vận chuyển máy móc thiết bị	-	139.318.182
Thu khác	518.744.365	631.559.355
Cộng	1.521.346.012	1.846.160.264

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	177.468.471	807.068.487
Chi phí tiền điện	68.082.148	-
Giá trị vật tư thanh lý	369.324.422	129.394.475
Chi phí vận chuyển	-	169.318.182
Giá trị còn lại của tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định	120.391.699	-
Chi phí thuế bị phạt	476.108.868	-
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	194.082.660	-
Chi phí thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài không được khấu trừ	183.771.423	-
Chi phí khác	309.749.585	285.463.707
Cộng	1.898.979.276	1.391.244.851

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.991.488.338	16.913.427.258
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.991.488.338	16.913.427.258
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	4.883.562
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.398	3.463

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	2.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 18 tháng 01 năm 2012	-	2.383.562
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	4.883.562

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Giảm các khoản đầu tư ngắn hạn do phân loại lại	-	22.292.364.675
Tăng tài sản cố định do hợp nhất kinh doanh Nguyên giá	-	1.193.362.664
Hao mòn lũy kế	-	397.984.682
Cộng	-	23.883.712.021

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị (HĐQT)		
Mua cổ phiếu Công ty TNHH CM Xây dựng của HĐQT	-	10.715.380.000
Vay ngắn hạn HĐQT	1.800.000.000	157.000.000
Thanh toán tiền vay ngắn hạn cho HĐQT	200.000.000	-
Cho HĐQT vay không tính lãi	880.000.000	350.000.000
Cổ tức đã chi trả cho HĐQT	823.004.000	1.526.107.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	-	350.000.000
Ban điều hành	-	-
Cộng nợ phải thu	-	350.000.000
Hội đồng quản trị	1.601.000.000	100.000.000
Ban điều hành	8.683.000	167.122.818
Cộng nợ phải trả	1.609.683.000	267.122.818

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.882.071.330	1.947.470.952
Phụ cấp	126.000.000	562.776.500
Cộng	2.008.071.330	2.510.247.452

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực thương mại: Bán vật tư, hàng hóa.
- Lĩnh vực dịch vụ: Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	156.144.407.359	108.826.628.114	2.548.488.592	267.519.524.065
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	156.144.407.359	108.826.628.114	2.548.488.592	267.519.524.065
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	35.163.963.526	7.928.451.641	(1.257.585.776)	41.834.829.391
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(19.816.519.674)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				22.018.309.717
Doanh thu hoạt động tài chính				406.973.383
Chi phí tài chính				(5.425.825.507)
Thu nhập khác				1.521.346.012
Chi phí khác				(1.898.979.276)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.630.335.991)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				11.991.488.338
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.360.445.190	3.736.023.500	87.489.739	9.183.958.429
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.711.162.479	3.980.459.920	93.213.921	9.784.836.320
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	153.048.203.221	15.707.905.012	15.972.528.307	184.728.636.540
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	153.048.203.221	15.707.905.012	15.972.528.307	184.728.636.540
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	38.414.733.396	4.727.282.318	2.985.575.190	46.127.590.904
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(14.959.410.028)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				31.168.180.876
Doanh thu hoạt động tài chính				158.066.283
Chi phí tài chính				(11.029.667.663)
Thu nhập khác				1.846.160.264
Chi phí khác				(1.391.244.851)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3.838.067.651)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				16.913.427.258
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	9.259.885.451	950.376.405	966.386.925	11.176.648.781

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Cộng
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>8.086.325.378</i>	<i>829.929.579</i>	<i>843.910.992</i>	<i>9.760.165.949</i>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	68.525.818.441	6.043.626.583	235.644.953	74.805.089.977
Tài sản phân bổ cho bộ phận	101.121.704.518	8.918.416.962	347.734.910	110.387.856.390
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				43.777.026.098
Tổng tài sản				228.969.972.465

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	44.312.498.129	122.000.000	2.524.281.600	46.958.779.729
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	91.846.966.493
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				18.549.309.341
Tổng nợ phải trả				157.355.055.563

Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	55.702.572.561	2.871.028.702	-	58.573.601.263
Tài sản phân bổ cho bộ phận	103.065.239.941	10.577.968.019	10.756.169.807	124.399.377.767
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				37.579.415.268
Tổng tài sản				220.552.394.298

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	3.422.168.087	3.422.168.087
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	57.282.842.713	5.879.150.707	5.978.193.847	69.140.187.267
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				77.398.330.971
Tổng nợ phải trả				149.960.686.325

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	74.491.610.274	168.756.108.233
Khu vực nước ngoài	193.027.913.791	15.972.528.307
Cộng	267.519.524.065	184.728.636.540

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các khoản phải thu khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Cá nhân này có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.399.828.721	-	18.399.828.721
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	500.000.000	-	500.000.000
Phải thu khách hàng	56.734.779.525	316.350.000	57.051.129.525
Các khoản cho vay	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Các khoản phải thu khác	12.686.308.499	21.540.049.741	34.226.358.240
Cộng	89.820.916.745	21.856.399.741	111.677.316.486
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.579.415.268	-	37.579.415.268
Phải thu khách hàng	59.020.763.060	396.350.000	59.417.113.060
Các khoản phải thu khác	33.607.378.502	-	33.607.378.502
Cộng	130.207.556.830	396.350.000	130.603.906.830

Rủi ro thanh khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	42.773.421.956	2.883.365.290	-	45.656.787.246
Phải trả người bán	34.354.397.714	-	-	34.354.397.714
Các khoản phải trả khác	21.992.434.684	-	-	21.992.434.684
Cộng	99.120.254.354	2.883.365.290	-	102.003.619.644
Số đầu năm				
Vay và nợ	74.438.416.854	2.713.863.934	-	77.152.280.788
Phải trả người bán	28.403.800.299	-	-	28.403.800.299
Các khoản phải trả khác	24.813.788.804	-	-	24.813.788.804
Cộng	127.656.005.957	2.713.863.934	-	130.369.869.891

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa và nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa và nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, LAK, MYR, DZD và THB do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm					Số đầu năm
	USD	LAK	MYR	DZD	THB	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.139,77	-				21.196,30
Phải thu khách hàng	191.201,33	-	105.605,26		8.575.172,24	9.682,17
Phải trả người bán	-	(131.810.200,00)		(245.840,00)		-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	223.341,10	(131.810.200,00)	105.605,26	(245.840,00)	8.575.172,24	30.878,47

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 70.617.106 VND (năm trước giảm/tăng 9.650.294 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và LAK tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 5.536.028 VND do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và MYR tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 9.718.324 VND do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và DZD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 988.277 VND do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và THB tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 83.025.246 VND do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản cho vay	1.500.000.000	-
Vay và nợ	(30.239.070.964)	(98.338.841.006)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(28.739.070.964)	(98.338.841.006)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 431.086.064 VND (năm trước giảm/tăng 791.457.310 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa và nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.399.828.721	-	37.579.415.268	-	18.399.828.721	37.579.415.268
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	500.000.000	-	-	-	500.000.000	-
Phải thu khách hàng	57.051.129.525	(316.350.000)	59.417.113.060	(281.350.000)	56.734.779.525	59.135.763.060
Các khoản cho vay	1.500.000.000	-	-	-	1.500.000.000	-
Các khoản phải thu khác	34.226.358.240	(6.462.014.922)	33.607.378.502	-	26.674.075.556	33.607.378.502
Cộng	111.677.316.486	(6.778.364.922)	130.603.906.830	(281.350.000)	103.808.683.802	130.322.556.830

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	45.656.787.246	77.152.280.788	45.656.787.246	77.152.280.788
Phải trả người bán	34.354.397.714	28.403.800.299	34.354.397.714	28.403.800.299
Các khoản phải trả khác	21.992.434.684	27.550.755.696	21.992.434.684	27.550.755.696
Cộng	102.003.619.644	133.106.836.783	102.003.619.644	133.106.836.783

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5. Những thông tin khác

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

Lập, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thủy

Kim Ngọc Nhân



